

Số: 68 /QĐ-MN9

Tân Bình, ngày 15 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai các khoản thu năm học 2024 – 2025
của Trường Mầm non 9

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 9

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024-2025;

Công văn số 4299/UBND-VX 31 ngày 07 tháng 08 năm 2024 về triển khai Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 4300/UBND-VX ngày 31 tháng 7 năm 2024 về triển khai Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ theo công văn số 1479/GDĐT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Liên phòng Giáo dục và Đào tạo - phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận Tân Bình;

Căn cứ vào kết quả tổng hợp 100% ý kiến thống nhất của cha mẹ học sinh toàn trường về các khoản thu và mức thu;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các khoản thu đầu năm học 2024-2025 của Trường Mầm non 9 (Đính kèm Công khai chi tiết các khoản thu).

Thời gian thực hiện: 9 tháng (từ tháng 9 năm 2024 đến hết tháng 5 năm 2025).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, kế toán, giáo viên, nhân viên của Trường Mầm non 9 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Trần Thị Kiều Nhung

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024-2025
 (Kèm theo Quyết định số 68 /QĐ-MN9 ngày 25/9/2024)

STT	NỘI DUNG	MỨC THU
I	Học phí	
1	Học phí Nhà trẻ	200.000
2	Học phí Mẫu giáo (Mầm, Chồi)	160.000
II	Các khoản chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND	
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	380.000
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	150.000
3	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	23.000
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20.000
III	Khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của chương trình nhà trường	
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: vẽ, võ, nhịp điệu, múa.	80.000
2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	70.000
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	400.000
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	140.000
IV	Các khoản thu cho cá nhân học sinh	
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú.	260.000
2	Học phẩm	50.000

3	Học cụ - học liệu	350.000
4	Tiền suất ăn bán trú	37.000
5	Tiền suất ăn sáng	20.000
6	Tiền nước uống	17.000